

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK
HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11/11/2021
V/v: “*Xin ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Thu Liên
2. Ông Vũ Minh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Lê – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 89/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc “*Xin ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1975. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Đào Ngọc H, sinh năm: 1972. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng trú tại địa chỉ: Tổ dân phố 4A, thị trấn D, huyện D, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày 11/11/2021, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L và ông Đào Ngọc H vào năm 1994 có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống với sự chứng kiến của hai bên gia đình và bạn bè nhưng không đăng ký kết hôn đến nay bà Phạm Thị L và ông Đào Ngọc H vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Từ khi cưới đến cuối năm 2016 bà L và ông H sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân là vợ chồng không còn tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, hai vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay. Do đó, bà Phạm Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đào Ngọc H.

- Về con chung: Bà Phạm Thị L và ông Đào Ngọc H có 03 con chung là: Đào Văn H2, sinh ngày: 17/7/1994; Đào Thị T, sinh ngày: 25/8/1996; Đào Ngọc N, sinh ngày: 25/8/1998. Hai con chung là Đào Văn H2 và Đào Ngọc N đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được. Cháu Đào Thị T đã mất. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 13/10/2021 ông Đào Ngọc H có làm bản tự khai, nội dung bản tự khai ông H trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị L vào năm 1994 có tổ chức đám cưới và được sự đồng ý của bố mẹ hai bên. Hai vợ chồng từ năm 1994 đến nay không đăng ký kết hôn. Ông H và bà L xảy ra mâu thuẫn được khoảng 3 năm nay và sống ly thân được hai năm. Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông, ông đồng ý.

- Về con chung: Bà Phạm Thị L và ông Đào Ngọc H có 03 con chung là: Đào Văn H2, sinh ngày: 17/7/1994; Đào Thị T, sinh ngày: 25/8/1996; Đào Ngọc N, sinh ngày: 25/8/1998. Hai con chung là Đào Văn H2 và Đào Ngọc N đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được. Cháu Đào Thị T đã mất. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Đào Ngọc H trong quá trình chuẩn bị xét xử đã được nhận, biết đầy đủ Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông H đến tham gia đầy đủ, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt không đến tham gia phiên tòa.

Tuy các đương sự đã thống nhất và thỏa thuận được với nhau toàn bộ nội dung vụ án nhưng do không có đăng ký kết hôn nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa: Cả hai vẫn giữ nguyên theo biên bản hòa giải ngày 27/10/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đào Ngọc H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là “*Xin ly hôn*”. Bị đơn ông Đào Ngọc H cư trú tại Tổ dân phố 4A, thị trấn Đăk, huyện D, tỉnh K nên theo quy định

tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh K.

Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với bị đơn ông Đào Ngọc H quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã gửi đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông H đúng quy định của pháp luật, ông H đã được nhận và tham gia đầy đủ các buổi làm việc tại Tòa án. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông H vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong đơn ông H có ý kiến vẫn giữ quan điểm đồng ý ly hôn với bà Phạm Thị L, giữ nguyên ý kiến tại các buổi hòa giải tại Tòa án. Việc vắng mặt này không ảnh hưởng gì đến quá trình giải quyết vụ án và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Vào năm 1994, bà Phạm Thị L và ông Đào Ngọc H tổ chức đám cưới theo phong tục và về sống chung với nhau hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, không đăng ký kết hôn. Quan hệ vợ chồng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, xét thời gian hai người sống chung với nhau từ năm 1994 không đăng ký kết hôn thì nhà nước không công nhận là vợ chồng hợp pháp. Căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 ngày 09/6/2000 về thi hành luật hôn nhân gia đình năm 2000. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị L và ông Đào Ngọc H được xác định là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Ông, bà sống từ năm 1994 đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không còn tiếng nói chung, không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân trong thời gian dài từ năm 2016 đến nay.

Nhận thấy, bà L và ông H không còn tình cảm và quan tâm nhau, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào các điều 14, 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Phạm Thị L.

[2.2] *Về con chung:* Bà Phạm Thị L và ông Đào Ngọc H có 03 con chung là: Đào Văn H2, sinh ngày: 17/7/1994; Đào Thị T, sinh ngày: 25/8/1996; Đào Ngọc N, sinh ngày: 25/8/1998. Hai con chung là Đào Văn H2 và Đào Ngọc N đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được. Cháu Đào Thị T đã mất. Không yêu cầu Tòa án giải quyết

[2.3] *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 14; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000. Điều 6; Điều 18; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L đề ngày 27/9/2021.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị L và ông Đào Ngọc H là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị L và ông Đào Ngọc H có 03 con chung là: Đào Văn H2, sinh ngày: 17/7/1994; Đào Thị T, sinh ngày: 25/8/1996; Đào Ngọc N, sinh ngày: 25/8/1998. Hai con chung là Đào Văn H2 và Đào Ngọc N đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được. Cháu Đào Thị T đã mất. Không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001561 ngày 11/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

5. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/11/2021) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh K;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Nga